

Bình Đại, ngày 09 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 263/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc: “Ly hôn ” giữa:

- **Nguyên đơn:** Lê Thị Thúy V, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Ấp 4 Cây Trôm, xã B, huyện Đ, tỉnh T.

- **Bị đơn:** Lưu Hoàng Đ, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Ấp 4 Cây Trôm, xã B, huyện Đ, tỉnh T.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Trần Thị L (Hai Đức), sinh năm: 1970

Địa chỉ: Ấp 1 Giồng Kiến, xã P, huyện B, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị Thúy V và anh Lưu Hoàng Đ thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thúy V và anh Lưu Hoàng Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung Lưu Tấn T, sinh ngày: 21/3/2003 và Lưu Thị Thanh N, sinh ngày: 18/6/2008. Anh Lưu Hoàng Đ đồng ý để chị Lê Thị Thúy V được nuôi dưỡng con chung Lưu Thị Thanh N. Ghi nhận chị Lê Thị Thúy V không yêu cầu anh Lưu Hoàng Đ cấp dưỡng nuôi con chung Thanh N. Riêng con chung Lưu Tấn T đã thành niên nên không xét đến.

Anh Lưu Hoàng Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Lê Thị Thúy V trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Lưu Hoàng Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 116, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thúy V và anh Lưu Hoàng Đ khai thống nhất không có nên không xét đến.

Riêng chiếc xe honda hiệu Wave biển số 71C1-486.62 mang tên chị Lê Thị Thúy V mua trả góp ở tiệm xe Cẩm Giang, tỉnh Bến Tre, chị V và anh Đ tự hai bên thỏa thuận, thương lượng nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Lê Thị Thúy V và anh Lưu Hoàng Đ thừa nhận còn nợ bà Trần Thị L số tiền vay chưa trả là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Chị V và anh Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị L số tiền nợ vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) (Mỗi người phải trả là 5.000.000 đồng), trả làm 01 lần vào ngày 31/5/2022 là hoàn tất nợ. Ghi nhận bà L không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ vay nêu trên.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị Thúy V tự nguyện chịu toàn bộ theo quy định số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003391 ngày 01 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Như vậy, chị Lê Thị Thúy V đã nộp đủ án phí.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị L 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005929 ngày 23 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Bình Thới, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (Số 82, quyển số 01);
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương